

HOÀNG MINH TẬP

QUYỂN 14

- Văn Hịch Thái Sơn của Trúc Đạo Sảng.
- Văn Hịch Ma của Thích Trí Tĩnh.
- Văn Phá Ma Lộ bố của Thích Bảo Lâm.
- Lời bạt luận Hoàng Minh của Thích Tăng Hựu.

VĂN HỊCH THÁI SƠN CỦA TRÚC ĐẠO SẢNG

Sa-môn Trúc Đạo Sảng dám cáo Thái Sơn Đông nhạc thần phủ và đô lục sử giả, bởi huyền nguyên mở phán hai nghi mới đầu phân, trên đặt toàn cơ thì dùng ba quang (ba thứ ánh sáng) để giúp, dưới bày hậu thổ thì dùng năm nhạc trấn đó, âm dương trải hóa ở tám phương, muôn vật sinh ra trong đó. Vì vậy, Thái Sơn cứ vực của Thanh long, hành hoặc ở nghi của Chư Dương, hoa dương hiển cảnh của Linh ban, hằng đại liệt khách của u vũ, tung kỳ bên trong của Hoàng Xuyên. Trấn chỗ phần của bốn ngôi, đầy đều bảm khí vận không uế của tà, thần đạo tự nhiên sùng chánh chẳng nguy, nhân che của trời, thuận chở của đất, thuận phác vương thẳng, điềm nhiên huyền tịnh, tiến đạo mới của bốn vận, lùi giảm tình của năm giáo, trong ẩn vốn của thông vi, ngoài bày sáng của đạo đức, trên đạt hư vô, dưới dưỡng thương sinh, ngậm đức ngầm thông không xa đâu chẳng suốt, đạo bước chín bờ liệng quanh huyền thiếu, nên năng hình không chánh, mới đầu hô hấp âm dương, âm dương, nắm quây trời đất, đẩy bước tám hoang. Đông nhạc là bắt đầu của long xuân, khí của thanh dương nuôi dưỡng mầm sống, vị của vua cha. Nam ky Bắc đẩu giữa hoàng chín trời, Đông vương Tây mẫu, Vô cực tiên quân, cưỡi khí phụng liệng bỏ u huyền này. Lắng ở Thái Tố chẳng ở nhân gian, rộng nêu các bản đạo đó tự nhiên, mà sao quý yêu tường, tinh vọng lượng, gá đạo Đông nhạc, mượn linh ở núi, nhân cuồng đối của du hồn, mê hoặc ngu tình của người tục, khắc tượng thần điển, nguy lập thần

hình, gốc không chỗ ghi, ngọn không chỗ qua, ngoài có khí độc hại sinh, trong thì lưu hành trăm quỷ, ngày thì cốc cơm thành thố, đêm thì các tà ở sân. Đây đều là bầy quỷ lang sói, hư thanh của kiêu trắng, từ thời Tam Hoàng mở cơ đồ truyền chuyển tới nay. Chỗ các đời sùng chưa thấy hưởng này. Nên Linh Chinh Ký nói: Thần chánh thì ngậm diệu sâu tối, trên vọt cao tượng, dưới đùa huyền thiếu, tiêu dao ảnh mây, rỗng liệng tám cực, gió cuốn mưa tuôn hóa như sấm chớp, hành trừ chẳng bày, trăm vị tự nhiên, ngậm từ nắm tổ đượm nhuần thương sinh, ân quá hai dưỡng, tuệ như triều dương, ứng trời mà ăn chẳng hại các mạng, đây là diệu tiết của linh tường, thần đạo của thanh hư. Nếu thần chẳng chánh thì liên can đến muôn vật, nhân thời gá hưởng, truyền lầm hoặc ở tục nghe, thành trở ngại phác khởi động tâm người, dốc của cực giết, cắt đứt các mạng, uổng hại trung niên, chết cốt nhục đó, tinh thần lìa chóng, đau thương nguyên khí, thần của Đông nhạc há như vậy ư? Nên lời răn trong gối nói là: Ngậm khí xuẩn nhuyển, trăm trùng chớ mắc, không ăn trứng chim, trong có thần linh, trời nguyên thọ mạng, sân đất có hình, thô bảm hai nghi sao có tâm hại sinh, đây đều là bản kinh trái lý nghịch đạo, muôn dân ngậm từ thuận trời chẳng giết, hưởng chi hại heo dê mà uống máu, lấy đây mà suy, đó chẳng phải thần. Lại Ngũ nhạc chân thần thì hầu của tinh, trên pháp định cơ, dưới cưỡi trời đất, bảm đạo thanh hư, không âm không hưởng, kính đó chẳng dùng hoan, mạn đó chẳng dùng thích, ngàn khen muôn hủy, thần không thêm bớt, mà người kiêu xưng giả, gá sinh nhân, nhân hư động khí giết hại ở miệng, thuận thì ban ân, trái thì có họa, tiến thối xiểm nguy, không hề có phép hiền, hủy nhục chân thần, chẳng phải đạo đó. Nên Huyền Trung Ký ở kinh Hoàng La Tử chép: Hễ tự xưng là thần Sơn Nhạc thì phải là trần rấn, tự xưng thần sông biển thì phải là cá rùa, tự xưng thần cha mẹ trời đất thì phải là chồn mèo dã thú, tự xưng thần tướng quân thì phải là gấu beo hổ báo, tự xưng thần sĩ nhân thì đó là khỉ vượn, dã nhân v.v... tự xưng thần vườn nhà thì đó là chó dê heo trâu, cửa nhà giống tảo thuộc về phá khí, quỷ mỹ giả hình đều xưng là thần, làm kinh khủng muôn họ, khí của dâm quỷ. Đây đều là điều mà kinh ghi, nghiệm rõ của truyện. Từ người yêu tường dần vượt sáu tráii, với lại bốn xa không gì chẳng hưởng ứng, đưa nhanh mà qua như nước nhỏ về biển, được chết là trở lại buồn kêu đầy đường, trọng là tiên vong bèn nói toán tận, khinh là dễ giáng tự xứng phước đó. Nếu khiến lại lo hoạn khó giúp thì người không ân, bệnh của Trung Dung chẳng phải chỗ người cứu chữa. Hai là không công liệu, sao có thể kính thờ, mới khiến các dân gieo tâm quy mạng. Đã không

có thầy giỏi thuốc tốt, chẳng phải năng hàng của tóc tan, trải qua tuần tháng không hề ảnh báo, lấy đây suy đó, có gì chứng nghiệm? Lại nữa, quốc thái nguyên hoàn vương và phong tích ý tiết của sáu nước, phụ quang của ba đài, tán hoàng gia lê không từ vui, thiên họa lâm thêm, thể mắc bệnh nhỏ, bảo là cầu của người năng cảm linh đức, nên tuyên đức tin mạng đến điện thần của ông, hiến dâng ba sinh thêm tăng quý lạ. Nếu người thánh đạo thông càn thần trí diệu, sao chẳng trên trình cứu hoàng, dưới hỏi hậu thổ, xen nhóm trăm linh hiển bày diệu thuật, khiến nước nhà tốt giúp tiêu bệnh được an, đã không hưởng ứng, mới ngậm chôn xa, nghiệm lưỡng đối này đâu đáp kính thờ ư? Lại nữa, Xưa kia, Thái Sơn thạch lập, xã đời thần linh giáng tượng tiếng xa muôn đời, đây là chỗ chiêu cảm của trời đất, hiểm làm thời tốt lành, người gá xưng là thánh, đã chẳng thể giăng mây đổ mưa để biểu hiện thần đức, mưu đồ yêu tà để tổn chân đạo, chánh khiến cho ông năng chân tâm động đũa, giờ chén hết rượu, còn là quỷ huyễn, chẳng phải chân chánh, hưởng chi không trưng bày, nào có thần ư? Lại Thái Sơn là thống của vua Diêm-la, đất đó mờ tối, cùng đời khác linh, Đô - lục - sứ - giả giáng đồng thần đi, định bản mạng ở hoàng ký, xét đô tịch ở Thiên Tào, các ác không nhỏ nhiệm chẳng bỏ, mãi thiện bé bỏng mà không sót, gồm nhóm hồn linh, chẳng phải sinh nhân ứng phủ, mà sao tộ quỷ đối xứng ý chỉ này, hoạnh bủa nhân gian khinh gấp muôn mối, cây của rừng rậm, hoang dã của quạ thước, máy động xa gần nêu bày trong từ điển, tụ hội nam nữ tâm thọ tục, khí ế ngoài thể, tiếng kêu tỏ xa, độc chung cảnh vua làm hại quá lắm. Mây mốc che trời, các tà ngăn chánh, tự người yêu dị lắm chỗ thương hại, tôi tuy ở cuối dòng đủ giảm ba phục, thường xem kinh truyện mà thấy nghiệt này, suy xưa nghiệm nay, tà chẳng ở chánh, tôi dẫn lấm ế, sáng tỏ thánh đạo, cáo đến nghiêm câu, quỷ đảng lại đi nơi mờ mả, ăn quả uống nước suối, đường của đủ sống, đã khiến mọi người khốn đốn, dốc hết của cải, chim thú không chết trong lưới võng. Nếu là mển luyến mong ăn chẳng bỏ đi, tôi dẫn tuyên tập Tỳ-sa-thần Vương - hòa - la - tử, v.v... đem trao đồn Kim Cương, chân sư dũng võ, thu sương lẩn động, ba ngàn oai mãnh khó đương đầu, dáo ngồi kiếm sáng phỏng thì xô núi hàng rồng dẹp ma, không gì chẳng cúi đầu. Ông là tiểu quỷ dám xúc chạm ba quang, lông hạc vào lửa than, cá lội vạc sôi, nghiêng sông đập lửa, sương mai thấy mặt trời. Ta nghĩ nhân từ xót thương sở hành của ông, chiêm ách hết đây, lo thì thương tâm. chóng ở trước tôi trở lại hình gốc của người lớn về muôn dặm, sóng gợn bên biển, chớ nên xét ở lại rõ thuận vâng hành.

VĂN HỊCH MA CỦA THÍCH TRÍ TĨNH

Thích Trí Tĩnh cúi đầu minh tướng quân luân hạ, cùng nhau đường huyền khác bến, người trời một thống, tông sư tuy khác, ba cõi đại đồng, mỗi khuôn tốt hợp trái bày xưa chưa, mà nêu bảng chưa ngầm, do đó khiến cách, nay pháp vương ngự đời, mười phương nghĩ thuận, lưới lính vừa giăng giềng mối cùng that, đại thông có kỳ hạn, cao hội ở gần, chẳng nhậm kiêu tướng và thư dụ ý, phạm thời bít có thông, vận cùng thì thái, ngàn thánh theo nhau, các sư tiếp nối, xưa Hoàng tổ ta, bản nguyên thiên vương thể hóa ứng phù, rồng bay đầu vực. Cây quyền hình để phụ muôn bang, khua búa tuệ để che sáu hợp, oai tỏa bốn tà, quét sạch ba cõi, mới đáng kháng tám khu dọc ngang, vôi rút lưới nơi vũ trụ. Rộng lắng bày hoang yên một chín cõi, mà minh tông chẳng điều, chân dung lắng tĩnh, sáng suốt nhiều lớp, thuyền rồng phủ sóng, nên khiến cho nhóm kiến tà, kiêu thấy bạo khởi, ghen nhiễm đường chân, bụi mờ thanh chúng, tuyết chung thương sinh, độc lưu muốn kiếp, phải tình mển đạo, khác tâm đồng giạn. Đấng Pháp vương của ta cưỡi vận ứng kỳ lý loạn, trên tiếp cao trụ, dưới gá tâm chúng sanh, năm cờ lớn để trùm ba ngàn, cầm thánh đồ để hưng lỏng đại nghiệp. Mây bủa bốn cung, Loan liệng Thiên-trúc, giáng thân ở Ca-duy làm thời thành hào, buông võ mọi người khéo an quan sĩ, dẫn dắt các tình ủy dụ có ganh ghét, nghiêm búa tuệ nơi lòng ngực, mặc giáp thần ở ngoài thân, thương mười tám không tội, xót bật lối của ba không, chí giúp thái hoang, hấn bình lăm nạn, trăm vực ngàn bang cao phục phong hóa, nương quân chẳng kỳ lăm mê tự che, sâu nhiếp lòng ngu nên giữ nguy kiến, sói chiếm trời Dục, cú kêu cửa thần, tan vỡ cương trường, chống kháng linh tiết, gọi là vị lớn có thể lên, khuôn rộng có thể đổi, xem vài ba đây, bèn là than thở, xưa kia đại thông ngự các phương ảnh phụ, có thiên ma nguy si chẳng vâng chánh tiết. Phạm nghịch thánh nghe, bày quấy thần lự, lãnh lính bít hư, quyền hình muôn biến tinh giáp chiếu hy, sương dáo phủi vực, trống linh giành gióng, vang tỏa phương ngoài, kiểu bước câu đất tự cho là mạnh mẽ, vương sư phấn phát, các tà chết mất, các mê đổi tâm, trông phong ảnh phục. Huống chi quân đơn tướng kiêu, mà một cõi sĩ không phương, chúng chẳng thành lữ, mà muốn trái ngược lẩn lướt hoa ấp, gôm tập linh quyền vọt xa tối thẳng, lấy làm nhục chân, có thể chẳng lăm ư? Nay tức Thích-ca ở đời, đạo tỏa kiếp trước, diệu hóa mệnh mông, lưới thần xa ngự, trí sĩ đông đầy, mây bủa che đời. Võ phu rồng nhảy khổng huyền muôn đội, hiệp lực ứng chân, mưu kỳ vượt trội, nên mạng khiến trì tiết, tướng quân xông trước, đô đốc Diêm-phù về

nghĩa hầu Tát-đà-ba-luân, riêng bả thiên kỳ bụi mờ gương huyền, thần cao Tu-di, khí mạnh trùm đời khéo võ kính văn trung bày cửa vua, lãnh chúng bốn mươi muôn ức, dương náo đầu đường, khiến trì tiết oai, xa đại tướng quân bốn trời đô đốc đạo lợi công. Đạo sư võ thắng nêu các văn vượt, hoàng mưu khéo giữ bật trần, tâm gá ngoài mộng, lo thời quên thân, chí hấn giúp đời, lãnh chúng trăm muôn ức, loan bay đường trời, khiến trì tiết đánh, ma đại tướng quân, sáu trời đô đốc, Đâu-suất vương giải thoát nguyệt, diệu tư hư huyền cao bước ngoài trần, lược đều đồng chân, công đều chín địa, xót thương ba đường, giận như tung hại, rút kiếm khắng khái, rồng về phấn phát, lãnh chúng bốn trăm muôn ức mây về cửa trời, khiến trì tiết thông vi đại tướng quân, bảy trời đô đốc, Tứ thiên vương Kim Cương Tạng. Chất sáng ánh ngời, dáng vàng xa chiếu, ân quá cửu dương, lực nghiêng núi biển, trông phía phải thì mông phạm bay sống, nhìn phía trái thì phù tang rơi diệu. Đức không đâu chẳng chiếu, oai không đâu chẳng phục, lãnh chúng bảy trăm muôn ức hổ liếc Tu-di, khiến trì tiết trấn vực đại tướng quân, chín trời đô đốc, tám trụ vương đại Duy-ma-cật. Kỳ toán chẳng nghĩ, búa pháp xa khoa, thể ngậm dáng thần, quyền dụ muôn biển, hô hấp thì chín phục mây theo, găm nhấm thì mười phương gió phất. Thương hạ dân kia không tội ba sở, lãnh chúng chín trăm muôn ức ngựa uống bến hư, khiến trì tiết giám hậu. Đại tướng quân, mười ba trời Đô đốc tiểu thiên các quân sự chín trụ vương Đại Văn-thù nương trụ xa nguyên hình ngời ba cõi, nổi dôi từ cung tía thần cao thể lớn, ứng vừa ngàn đường, cao tính muôn kế, các động cảm ở một thân, các lực lắng ở một niệm ôm sâu từ bi, tình gồm bốn nhiếp, lãnh chúng như bụi trần bay liệng ở đây, khiến trì tiết giúp giáo đại tướng quân, lục ma các quân sự các tà hiệu úy trung thiên vương Quán Thế Âm. Trí lược lắng sâu, búa tuệ xa động, minh đạt bốn thông, sáng soi ba cố, hoặc gá vết các tà, diệu kỳ bèn khởi, hoặc quyền hình hai chín, dứt đồ thán kia, khoa tay thì thiết vi sườn núi đổ, hà hơi thì mây nổi ngùn ngụt, làm người bạn chẳng mời của muôn phương, lãnh chúng không nghĩ, gây dáo hổ gầm, khiến trì tiết bố hóa đại tướng quân, ba cõi đô đốc bổ xứ vương đại Từ Thị, diệu chất tung lưới, dáng trời nêu Kiệt, thể vượt Kim Cương, tâm trùm ngoài trần, khí mạnh đường mây, búa tuệ xa khoa, vô sinh chuyển trong lồng ngực, quyền trí ứng ngoài sự. Chí có khuôn phép, không đi chẳng đến, oai ân song hành chân tục đều bày. Lãnh chúng tám muôn bốn ngàn nghiêm cảnh đãi mạng, hạng của nhả ra tràn đầy đại thiên, sĩ của Kim Cương rộng bít tám cực, oai nghĩ giúp qua, chiếu cuộn sáu hợp cưỡi xe báu các độ, giữ

đường tu của tám chánh, vượt ngựa linh của sáu thông, khống dây thần của hư tông, bất cung cứng của Bốn thiên, buông tên nhọn của quyền kiến, hý ngựa hoàn hoàn, nhẹ bước kiêu kiêu, vâng mạng sân thánh không hề có thiếu, đạo sư quý lang năm trăm thặng tử. Xét sâu thiên mạng lại gieo vương hóa, thánh thượng mở áo cả khí về thuận, đều trao danh tước phong thưởng liệt sĩ, bạn công tôi cũ, tiếng tỏa muôn vực, mà ông sao tâm hoạnh sinh khác kế, rạp núp bên hoang, khuôn phép vị thường, độc hại nổi ở thương sinh, tai họa tràn ở nhiều kiếp, chẳng thể buồn ư? Chẳng thể lắm ư? Xưa, ông nhân thời mà làm chỗ vật cảm, cuồng mê tâm ông gieo ách ngoài hang, trăm hạnh một lỗi hiền đạt thường mất lâu, nghĩa là ông hay biết, phản ngu pháp về tội tượng, nguy buộc thân ném trâm, đồng đạo các tài tuấn, dùng đạo tự mừng vinh danh đầu cuối, vì sao nhiếp ngu giữ làm ở yên vị tà, gá núi Si để tự cao, cây rừng kiến để đạo nghĩ, đấm uế trần của sáu dục, vui tà mê mà thỏa tánh, dựng phước cao kiêu ngạo, dẫn hung trận vô minh, rộng bước đường hoang, nhẹ đùa thần khí, trộm lấy cung trời, kháng cân nhật nguyệt, sợ chẳng quả ư? Đất tay mà ngồi ba quang, nắm đất để lấp biển lớn, tuy phỏng tâm rộng nêu việc đó khó thành, tướng quân gieo phước bến huyền bốn tiếp rộng xa, hoa mạo ngồi tỏa các tình chăm mắt, cơ của vọng trụ dễ lên, công ở xưa nay đáng tiếc, ông có thể phản đi tu lại, vụt nhiên về thuận tạ quá cửa Chu, vì đạo đều tốt, nước nhà đều còn, vua tôi đồng hiển, thân danh được an, hiểu tự mê đạt quán quyền thuộc an nhiên, có thể chẳng đẹp sao? Nay vương sư khắc cử mười phương dây múa, tây nâng lưới pháp cùng múa các thánh, búa đạo ngồi ở khu trước trống linh nổi ở đội sau, chuông thần một gõ mười phương nghiêng úp, sóng biển vọt bay, đất bằng nhảy lộng, ở thời nay. Núi Tu-di nhét vào một hạt bụi, trời đất xoay ở một xe, không động an nơi áo trái, diêu lạc ngồi ở tay phải, thần lực như thế, đâu có thể đáng Đấng Pháp Vương ta thể đạo nhân từ, chẳng nở bèn noi theo, quyền dừng các quân, tạm dây đài linh. Đến đường đưa thư ngõ hầu xoay giá mê, ông có thể sớm định mưu tốt, mặt buộc về khuyết, giao mạng sân hoang, thông dong cảnh huyền, lớn danh trong tỏa đạo hình gửi ngoài, phương trên tức nhậm, chẳng phải ông thì là ai? Phạm tuệ phải nhận biết cơ, minh quý khỏi họa, cùng mà biết phản là chỗ đẹp của quân tử, đây mới là cao thu của chuyển họa, tiết tốt của lấy công. Xưa kia, hạ kiệt vô đạo, vua ân khiến đánh, Thương trụ thủ loạn, Chu Võ lập quân. Đây tức kỳ quy của xưa nay, lời răn của tướng quân, cùng nhay tuy trái với hiện tại, nhưng phong lưu nên đồng ở đạo vị, người trời vời vợi, đâu đủ khiến cách,

tưởng tiện quyền nhiên. Thông thư đến mạng, sở dĩ trộn đau từ đó, quanh co qua lại là chẳng muốn cho lan thớm hạ tàn, tu kha bề gậy, sâu nghĩ đặt lời, khéo tự lường tính, không khiến thân ông nghiêng giúp ba đường, chẳng khiến sáu trời khom sinh đề bại, tạo đỉnh liếc mắt giúp lòng sợ hãi, đến đường gửi thư các tình nhiều giận, nói chẳng mượn ý.

VĂN PHÁ MA LỘ BỐ CỦA THÍCH BẢO LÂM

Hiền kiếp đại thiên vi trần năm, năm trước đánh vọt sóc hiện thọ ngày trăm tuổi, khiến trì tiết Đô đốc Hằng sa thế giới các quân sự đánh ma đại tướng quân. Thứ sử Tịnh Châu thập địa vua tôi Kim Cương Tạng, khiến trì tiết đô đốc tám muôn Ba-la-mật các quân sự phá kết tướng quân lãnh Ma-man hiệu úy đại tứ mã, thứ sử Sở Châu Bát Địa công thần giải thoát nguyệt v.v... cúi đầu kính lễ trình dâng. Thánh triều thượng thư, kính cẩn y cứ phạm sáu hợp đồng soi của Diệu Linh, các dòng về vua của trăm hang. Muôn hóa đều không huyền, các kỳ tông ở một trí. Đây bởi lý có thống của tông cực, vật không hội của khác đường, vì vậy Như lai vượt lăm mờ tối mà riêng nổi, úy cần công ở nhiều kiếp, người cao sáng của ba đường. Nhỏ nghi lớn ở mới tạo, cùng tận khu áo của thánh đức, cứu hư trí của vô sinh, xem then chốt của vật hóa, nắm nút buộc của mở đức, đến như dáng anh đỉnh đặc, thân quang rực rỡ, tuy là ngàn sáng đều chiếu hẳn đã dứt. Thân khác muôn trọng mà chẳng phải đông nhiều, thể hợp chí diệu mà chẳng phải một, ứng ra năm đường mà chẳng phải sinh, bày vào hình mất mà chẳng phải diệt. Hy Di hoảng hốt không danh không tượng, chẳng lường sâu đó, chẳng biết rộng đó, ứng các cảm mà chẳng nhọc, khắp muôn động mà thường tĩnh, trải Hằng sa đề chợt nhiên, võ tám hoang ở khoảnh khắc, lưỡng nghi đổ lấp mà chẳng di, lực phụ ngậm đời mà chẳng dịch, hợp lửa lớn mà chẳng cháy, ôm dòng lớn mà chẳng chìm, trời đất chẳng đủ để nói đức, văn huyền chẳng đủ để rõ đạo. Cự bao sáu hợp chẳng thể gọi là lớn, khéo vào Vô gián chẳng thể gọi là nhỏ, ấy mới dừng độc thương sinh, hóa gồm thỉ mẫu, vô dục vô vi mà không gì chẳng làm, bay liệng nơi đường ứng biến, tiêu dao ngoài có không. Đỉnh đạt đầu mối của các thánh, điềm đàm cảnh vực Niết-bàn, hai thừa giấu nghĩ ở rốt ráo của lăm quên, Thập trụ dứt lự ở cơ động tĩnh. Phạm vương dò hỏi để trở về đức, Đế-thích phục ứng mà chán vị. Đó là bậc thánh, cũng đã cùng cực. Từ đó ứng xa dự ghi của Định Quang, nghiệm Đồ Lục của Đại Thông. Ra khỏi năm đường mà rỗng nổi, vượt để hoàng để mạng thế. Đạo vương ba cõi, đức trùm mười phương, mấy điện Hằng sa, đô ấp Đại thiên núp thất

nhàn của chín định, lên quán mây của bảy giác, rửa ao trong của tám giải, dạo vườn rộng của Tổng trì. Đó mới là ở điện của từ bi, ở tòa đồng với không, suy rộng các tốt thiên quan đánh tướng, trái giúp dòng của Di-lặc, phải đỡ phái của Văn-thù. Trước Ca ngời Nhã Tụng của Đại Phương, sau múa loan phát của bốn Nhiếp, dùng tám trụ gìn giữ thể rộng thất sĩ, dùng bốn quả hầu cận, với với thông tiện, ba đài chỉ có thánh, sáu phủ chỉ có hiền, ấy mới tuyên giáo Cơ Khổng. Tế thú đường ngu, dương oai Thang Võ, châu mục Tam Hoàng. Đó là hóa, thần đường bằng tám chánh, mở bến thông của Ba thừa, bày nhà diệu vô vi, cứu khổ lớn ở trần lao, bít đường gian bá ác, mở hoan lạc ở trời người. Tước dùng vị của quả Bá, Lộc dùng hưởng của cam lộ, công lớn là thưởng dùng phong của tịnh độ, huân nhỏ là chỉ chỉ dùng an của hóa thành. Đây mới là nghiệp lớn của trăm vua, chí trị của thái bình. Năm đường là thanh triều của hoạn thân, bốn là tông cực của sĩ vị, mà các mê gặp hiểm, trái chân rộng thoáng, mừng vui với gần đủ của bọt bóng, quên giang hồ ở xa toàn, nên ma vương ba tuần gieo ngu căn ở khoáng thi, chứa tâm mê ở cảnh vọng, chìm nổi sóng lớn của ba nhiễm, vào rừng rậm tà kiến, cho đến trộm lộng thần khí giả ngụy mạo chân, khoe vua cung trời, phân bày núi non chế mạng sáu trời, buông tuồng thiên oai, trong dùng ba công, các độc khanh tướng chín kết, ngoài dùng quân tướng sáu sư nhưng tốt bốn binh, trong hành ướng ngạnh chẳng ky hoàng hiến, tự lửa đom đóm lập lòe tranh sáng trời chiếu, nên mới khuyh là chống hành thần oai, dương binh đạo thọ, chấn lôi công tiếng sấm sét, nêu gánh vác chúng của nhả lửa. Lại trì thế khiến lầm hoặc ở tĩnh thất, ba-luân buồn gào ở Đô tứ. Đây đều si cuồng tung bạo thiếu ở thánh tiết, làm loạn trung hạ ngày tháng lâu dài. Thánh hoàng thương kẻ điếc mù của dân tục, buồn trẻ chết để thêm lo, dẫn chung các tà để đều thấy hợp chín dòng mà đồng bến. Từ đó, mạng dẫn hạng của thế lớn, phân biệt các loại Kim Cương, lường vàng kẻ gặm sắt, xung băng bậc của đạp lửa, lính mạnh nhiều như cát bụi, kiêu hùng muôn ức, sao đời gió động, rộng vọt cảnh ma, đặt quân sách của muôn toàn, bức cướp hoang của hẳn chết, mà ma giặc chẳng cầu, dám chấp khuấy động của man kinh, kháng trốn ngạo của tông hội, dựng cờ nơi đất của tự kiêu, kết chắc nơi hiểm của mây mê, dựa đường lấm lợp cạy lũy nhiều thứ. Vả lại hình thế đó thì núi Si cao với, chắc trước đó nước ái mệnh mônng tuôn ở sau, rừng tà rậm rạp mờ bên trái, khe Si sâu thăm đeo bên phải, lính sai của trần lao nhìn nơi cảnh giao, tướng hổ của sáu sư bước nơi đường lớn, trông như mây nổi che trời, sương lấp sáu hợp, đó là hưng thịnh, mở bít ít có,

bề tôi, v.v... từ đó nương oai xa của thánh triều, ra kỳ lược của siêu đồ, che lỏng của cao toán, bủa dùm vây của huyền sách, tinh kỳ ngàn lớp, bước lính muôn vòng, du sư che đồng trống, truân bát yếu hại, khiến tướng quân đàn na ở trước trông san huy để thẳng tiến, quân Tỳ-da ở sau rảo lính lười ở sau. Thiên-na lược đạo cưỡi ở bên trái, Thi-la phòng mật gian ở bên phải. Quân ngoài hòa ca sóng cưỡi đội trên bình nguyên, chạy đợi lính ở dưới của cật quật, bày hổ lữ nơi cao tướng, thiết nguy cơ ở u phục, trung quân Bát-nhã nắm diệu giám của huyền xu, cầm kỳ thuật của chiến thắng, khổng hùng tướng của ức triệu, bát lính mạnh của cát bụi. Từ đó các quân hưởng ứng, muôn đường giành tiến, cảm động sáu hợp, tiếng động khắp đất trời, bậc hùng phấn oai, sóng vọt sáng của bạch nhận đoạt nơi hy diệu, tiếng của trống pháp loạn nơi sấm động, ngựa siêng dự bàn để vọt ném, voi tiến bay khổng để rong ruổi, thiên cung khói dậy mà mây nổi, mũi tên tuệ mưa rưới để lưu hư, roi dùm sách của giả danh, rảo vào nguồn có không, nghiên dùm tiếng rống của sư tử, thích dùm âm khổ không, hươu gươm giáo để loạn trận, động dao kiếm ở tranh đấu, thây ngổ ngang ở đồng trống, chảy huyết nhọc ở dòng dài, đổ cao vời của núi Si, kiệt dòng lớn của nước ái, cùng tiếm ở hang các kiến, bề cao nơi ổ bảy mạn. Từ đó, giặc ma tiến, không có dụng của kháng vảy, lùi không ẩn của mong thoát, lự tận đường cùng hồi hoàng chẳng có y cứ, ma vương mặt buộc nơi sân ma, các tướng đưa mang đến cửa quân, các thiên lôi cuộn để về hóa, hạng mê gió ruổi ở sáng đầu, hoàng oai quét sạch, như dập sớm của mặt trời, sương đổ dòng lớn để dập tắt lửa, nên khiến trốn cướp của muôn đời, đất lở ở sùng triều, xưa kia ở Trung hoa khó túc thanh ở chốc lát. Đây thật là kỳ công ở thánh hoàng thần hội, hư liệt của nhiều đời hiển trước, tuy xưa kia Ân Thang dựng vân công ở Giao Hạ, Chu Võ quét thanh khí ở thượng dã, đây mới là hùng kỳ ở thượng cổ, đâu dùm được bằng với thánh huân, bề tôi tạm vâng tuyên hoàng du, hoảng ủy phụ lúc đầu. An dùm vườn nhà đồng với không, sung dùm dòng của tám giải, phòng dùm lễ của giới thiện, tu tập phong cách của sáu độ, người già ngộ thì chân ở mới xướng. Trẻ mới đầu nghe về cùng âm. Ứng trời thuận phạt là đạo Xuân Thu, Hưng Công định loạn là chỗ đẹp của tiên vương, nguyên ác vì khách chỉ theo thánh hiến, sáu hợp đồng rõ, rỗng sạch trong nước, huyền phong xa thổi, khắp chốn hòa vui, triều đình có ca của Khương thay, thôn dã có vịnh của nhạc giao, công cao đạo lớn, chẳng phải chỗ thấy bày, thánh lự sâu mầu chẳng phải lời năng nói. Thơ điều hoàng oai là phương của kỳ toán, lại nêu các quân là thế của Long Tướng, điện

nổi sao liền kính cần lộ bố để trình nghe, bề tôi, v.v... thật sợ vì võ, Tôi nhân rảnh rỗi việc giảng, tạm lại trọn ngày gá lời mượn việc, ngõ hầu rõ đại đạo, mong hạng ham mê chẳng xa mà trở lại, trong kinh nói: Niết-bàn vô sinh mà không gì chẳng sinh, chí đạo không chiếu mà không gì chẳng chiếu, đó chỉ Như lai ư? Chiến thắng chẳng nhờ công của đao mác, lược địa chẳng vì binh mạnh thiên hạ, hoàng vương chẳng phải tôn của xử một. Bá thần chẳng phải quý của Hoàn Văn, giáo của Khâu Cơ ở đây xa. Lời của Đàm Chu tự mà chẳng đúng, nên biết tông cực còn ở ngoài tục kiến, chí tôn vương ở trong chân giám, trung hựu trừ trừ ở khoảng có không. Hạ Ngu sợ cười ở cảnh của thường mê, nay ngõ hầu nhìn xem là xả tự nhiều của thu thủy Hà bá, xa đạo nơi vực thẳm Hải nhĩ, chẳng buộc tình ở giáo gần, mà sợ thần ở thuyết hoang đường.

LỜI BẠT LUẬN HOÀNG MINH CỦA THÍCH TĂNG HỰU

Tôi nhóm tập Hoàng Minh làm pháp ngự khinh, người thông Nhã Luận, thắng sĩ diệu thuyết, đường đẹp tà phá hoặc, hào của hoàng đạo hộ pháp, cũng đã đầy đủ, nhưng người trí chẳng mê, kẻ mê trái trí. Nếu dùng pháp sâu để dẫn dắt thì chẳng thể nào lãnh hội, nên phải gồm nêu thể điển chỉ sự lấy nêu. Lời chẳng phải vinh hoa, lý về thật chất, ngõ hầu người mê lầm chẳng xa mà trở lại, gồm giải thích mọi thứ nghi ngờ nên gọi là Hoàng Minh.

Luận chép: Hai đế sai khác, đạo tục từ đây phân, đạo pháp vắng lặng gồm ba cõi để đồng quán, tục giáo bít lấp, chấp một nước để hạn cục tâm. Tâm hạn cục ở một nước thì ngoài cửa tai mắt đều nghi ngờ, đồng quán xét ba cõi thì lý thần hóa thường chiếu, chấp nghi vì mê chiếu là chúng sinh, cho nên mãi chìm đắm. Xét rõ tục giáo và hiến chương năm kinh, chỗ tôn chỉ trời, chỗ pháp chỉ thánh, nhưng chẳng lường hình trời, chẳng thấy tâm thánh, tuy kính mà nói, còn mịt mờ chưa rõ, hướng chi Phật tôn ở trời, pháp tôn ở thánh, hóa vượt trong vực, lý bật ngoài ràng buộc, vai tôi vẫn kính sợ với Hà Hán, tục sĩ sao chẳng nghi hã ở biển giác ư? Đã biển giác thì kinh hã đồng Hà Hán, một là nghi kinh nói xa dối lớn mà không nêu, hai là nghi người chết thần diệt không có ba đời, ba là nghi chẳng chân Phật, không ích lợi với quốc trị, bốn là nghi xưa không pháp giáo, gần đây ra ở đời Hán, năm là nghi giáo ở phương Nhung chẳng phải hoa tục, sáu nghi ở thời Hán Ngụy pháp nhỏ bé đến đời Tấn mới thịnh, vì sáu điều nghi này nên tít tâm chẳng lập, sắp đắm chìm nên cứu vớt, vì vậy, so sánh mà luận. Nếu

Nghi kinh nói xa đối lớn mà không nêu là vì nhiều kiếp chẳng cùng, thế giới vô biên. Đời nay đều biết ngoài trăm năm sẽ đến muôn năm, mà chẳng tin chứa nhóm biến của muôn đến nơi nhiều kiếp, là hạn cục tâm để lường tạo hóa. Đều biết ngoài của huyện lớn hẳn có bốn cực, mà chẳng tin chứa nhóm xa của cực, lại có thế giới là chấp thấy để phân chia thái hư. Xưa kia Thang hỏi Cách rằng: Trên dưới tám phương, có cùng cực chẳng? Cách đáp: Ngoài của vô cực không còn có vô cực, trong của không tận lại không còn có vô tận. Do đó trăm biết vô cực không có cùng tận. Từ thời thượng cổ, các bậc đại liên y cứ lý huấn của thánh, ngàn năm phù khế, xa hợp với kinh, hạng nhận biết đầy giống làm sao biết được việc khác, dùng tâm tác vuông mưu tính thêm mình mà khiến lầm hoặc, trông người chỉ phân tròn cách vách tường chẳng thấy, mà muốn xem thường tôn kinh, trái ngược thánh nói, lừa dối nhiều kiếp không có thế giới. Đáng vì xót thương là một. Nếu nghi người chết thân diệt không có ba đời là tự lừa dối tánh linh đó mà khinh miệt, vất bỏ tổ nể, nhưng Chu Khổng chế điển, xướng nói quỷ thần, Dịch chép: Du hồn làm biến, do đó mà biết tình trạng của quỷ thần, đã tình lại tra-ng, thì vô hình ư? Thi nói: Ba hậu ở thiên vương phối ở kinh lên linh thượng môn, đâu nói là diệt ư? Lễ nói: Hạ tôn mạng thờ quỷ kính thần, chỗ đại vô kính cầu, sao hướng đối ư? Thư chép Chu Công Đại Võ nói: Phụng thờ quỷ thần, Cơ Đán cầu đảo thân thích, có thể hướng đối ư? Nếu chết mà có linh thì ba đời như gương, biến hóa luân hồi, ai biết cực đó, tục sĩ chấp lễ mà trái với năm kinh, chẳng phải thẳng lừa dối Phật mà cũng khinh thường bậc thánh. Nếu tin quỷ ở năm kinh mà nghi thần ở Phật nói, đây hẳn là hàng mù điếc. Chẳng phải chỗ bàn luận kịp, đáng nên xót thương là hai. Nếu nghi chẳng thấy chân Phật, không ích lợi cho quốc trị, thì cúng tế mong cầu cũng nên phế bỏ, vì sao? Rờn rờn chứa giữa khoảng không ai thấy dáng mạo của Thượng đế, mệnh mông nhiều khối, sao biết hình của hậu tặc, dân tự thân cày cấy, xã thần lực nào, người tạo thành lũy, lập quỷ nào công, nhưng do thanh phí của hy sinh, nhiều người cúng tế năm được mùa, không ai chẳng vì u linh, nên tôn mà dạy dân khéo báo ư? Hướng chi trí Phật khắp cùng không giới, thần ngưng ngoài vực thượng đế thành trời, duyên theo tâm từ của hun đúc đo, Thánh vương làm người nương giới của đình dực đó, sùng pháp thì sáu trời đều mừng, phế đạo thì muôn thần đều giận, nay người chẳng thấy hình trời, mà xưng tế giao có phước, chẳng thấy Kim Dung mà cho là kính thờ không báo, khinh gốc trọng ngọn, đáng nên run sợ là ba. Nếu nghi xưa không Phật giáo, gần đây ra từ thời nhà Hán. Thần hóa ẩn

hiển, đâu lường đâu cuối ư? Tìm Hy Hoàng vời xa chính tích còn mất, kia có pháp giáo cũng nào được nghe, xưa Phật-Đồ-Trừng biết Lâm Truy phục thạch, có tượng cũ lộ bàn, Kiên-đà-lặc thấy bàn chí trong núi có nền móng chùa cũ, mọi người đào bới đều đúng như lời nói, đây là di trưng của muôn đời, hiển nghiệm của đời Tấn, ai phán ở thời thượng cổ hẳn không có Phật ư? Liệt tử xưng ở thời Chu mục vương, phía Tây cực có hóa nhân lại vào nước lửa xuyên vàng đá, phản núi sông dời thành ấp, cưỡi giữa hư không chẳng rơi, xúc chạm thật chẳng ngại, ngàn biến muôn hóa chẳng thể cùng cực, đã hình năng biến người, lại vừa lự của đổi người, mục vương kính đó như thờ thần như vua, xem linh tích đó mới là hóa của bậc khai sĩ, mầm điềm đại pháp đã thấy ở đầu đời Chu, ngầm dần cảm ứng, chẳng phải bắt đầu ở đời Hán, mà bút chấp một thời, đáng nên than thở là bốn. Nếu nghi giáo tại Phương Nhung, hóa chẳng phải Hoa Hạ, thì là bậc thánh trước chấp địa vực để định giáo, chẳng phải lập giáo để đời tục. Xưa kia, Tam Hoàng vô vi, năm đế đức hóa, Bá vương lễ hình, bảy nước quyền thế, địa vực thường các hạ mà thế giáo chín biến, nay trái lại dùng nguồn chí đạo, gương dùng huấn đại trí, cảm mà bèn thông, sao đến chẳng khắp. Võ xuất xứ từ Tây Khương, Thuấn sinh ở Đông Di, ai nói địa giặc mà bỏ thánh, khâu muốn ở Di, Đam đến Tây Nhung, chỗ ở của đạo sao chọn địa vực. Phạm dùng tục thánh thiết giáo còn chẳng hệ thuộc ở Hoa Di, hướng chi Phật gồm cả đại thiên đâu hạn cực hóa ở Tây Vực ư? Y cứ lễ Vương Chế nói: Bên trong bốn biển vuông ba ngàn dặm, chỗ Trung Hạ chiếm cứ cũng đã chẳng rộng, y lạc gốc hạ mà khom làm nhưng khư. Ngô Sở vốn di mà vụt thành hoa ấp, Đạo có vận lưu mà địa vực không hằng hóa, Vả lại, phạm chớ dầy không lũy hoàn vực khác thống, bắc thần tây bắc, nên biết Thiên-trúc ở trung tâm, nay lấy khu phần trung thổ xưng Hoa để cách chánh pháp, tuy muốn cách bút mà thần hóa thường thông, đáng buồn lạnh đó là năm. Nếu nghi ở thời Hán Ngụy pháp nhỏ bé đến đời Tấn mới thịnh là, đạo vận sùng tiếm chưa thể cật nạn. Tìm tu Thích giáo của Sa-môn, đâu khác thuật Đường Ngu của họ Khổng? Khổng tu chỉnh năm kinh thù phạm trăm vua, nhưng thời Xuân Thu chư hầu chẳng chịu tuân theo, chiếm phạt khinh miệt đó sắp rơi xuống đất, dần đến Tần hoàng lại thêm thiên thủy, há Trọng Ni đó ngu hèn, mà thi thư đó cạn dở ư? Gần đây, đến thời Hán Võ mới hiển hành Nho giáo, nêu tướng của minh kinh, dùng thuật của Khổng thánh, sao có thể vì thấy khinh bảy nước mà bèn phế ở đời sau ư? Y cứ đời của Hán Nguyên, Lưu Hưởng Tự Tiên nói: Bảy mươi bốn vị xuất xứ từ kinh Phật, nên biết kinh

lưu truyền đến trung hạ từ đó đến nay đã lâu. Mãi đến thời Minh Đế cảm mộng mà truyền Hịch xưng Phật. Từ đó, Tần Cảnh từ phương Đông đi sứ, Ca-diếp Ma-đăng từ phương Tây đến, mới đồ tượng ở quán của Quan Dương, tàng kinh ở thất Lan đài, chẳng giảng văn sâu nên chẳng biết áo nghĩa, vì vậy, Sở Vương tu sửa từ của nhân khiết, Hiếu hoàn dựng lập cúng tế lộng đẹp, pháp tướng chưa dung, chỉ có thần mà thôi, đến thời Ngụy Võ chẳng xem xét thư thuật Diệu hóa, Tôn Quyền hùng lược xây dựng chùa tháp. Đầu đời Tấn Võ, cơ duyên dần sâu, kỳ vực tỏa vết thần thông. Trúc Hộ tập tạng pháp bảo, do đó trăm vua Tấn thân tẩy tâm để tiến đức, muôn bang lê hiến, khắc ý mà đổi thiện, đến thời Tấn Minh Dĩnh ngộ nắm một nhiếp thần, tay vẽ tượng báu ngoài quán để vui xem. Đã an mà trên hoàng kinh ở Sơn Đông, thập công tuyên pháp ở Quan Hữu, tinh nghĩa đã nêu thật tướng càng chiếu, anh tài thạc chí đều nghiệm lý mà phục ứng. Nên biết mây pháp mới đầu ở chạm đá, nước tuệ chảy đến lạm thương, giáo hản có dần thường của thần hóa, cảm ứng nhân thời, chẳng phải duyên làm sao. Nên Nho thuật chẳng phải ngu ở Tần mà trí ở Hán, dùng và chẳng dùng. Phật pháp chẳng phải cạn ở Hán sâu ở Tân, bởi rõ mà chẳng rõ. Vậy biết năm kinh thường thiện mà sùng tiếm tùy vận, Phật hóa thường mà thông bí ở duyên. Lấy một này để tư duy, có thể không lằm hoặc sâu, mà chấp nghi chẳng ngộ, thật đáng đau thương, đó là sáu! Tin thuận nên phước, mê báng cửa họa, hướng chi hạng một mờ phần nhiều chẳng lường năng lực. Lấy chỗ mình không biết, mà lừa dối biết khắp của bậc Tiên giác, lấy chỗ họ chẳng thấy, mà khống phải cái thấy rõ của chí nhân, soi đạt ba đời lại gọi là tà tịch, chuyên hạng cục trước mắt mà tự cho là minh trí, từ đó mê nghi bí lộng ngực, nhạo báng đày mồm, khinh bàn nghị để bày trọng khổ, hiển phỉ gạt để mua u phạt, lời nói không công của cân lạng, lo lự không ích của mảy may, vào như bay ẩn núi như chớp một hơi thở chẳng trở lại, lạng lẽ qua đời sau. Báo theo bóng đến, hồi đó chẳng kịp. Thần hóa mênh mông, u minh thay vận, Năm đường biến hóa ở đâu chẳng đủ, cõi trời hiển nghiệm, (gây) của Triệu Giản Tần Mục, đường quý giao báo, thấy của Đỗ Bá Bành sinh. Tu đức phước ứng, nghiệm Tống Cảnh đời Ân, giết nhiều họa tới, chứng của bạch khởi Trình Tấn. Hiện đời u minh đủ rõ điển tịch, đời sau minh ứng trải ở tôn kinh, chỉ duyên cảm lý áo, nhân quả nghĩa sâu kín. Sâu kín khó lãnh hội nên lược mà chẳng trình bày, chỗ các bậc tiên triết biện giải, then chốt đã chánh, khinh suất lòng xấu tiếp đó ở cuối, tuy văn chẳng phải khuê chương, mà sự đủ để kích xét, chỉ vui mừng quân tử tự cầu nhiều phước.